

Số: /PGD&ĐT

Thanh Trì, ngày tháng 12 năm 2024

V/v: Đơn đốc thực hiện Đề án “Tăng cường sàng lọc bệnh, tật bẩm sinh, di truyền ở trẻ em nhằm từng bước nâng cao chất lượng Dân số trên địa bàn huyện Thanh Trì giai đoạn 2022-2026” năm 2024.

Kính gửi: Hiệu trưởng các Trường mầm non, tiểu học trên địa bàn huyện.

Thực hiện Kế hoạch số 498/KH-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện về việc triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường sàng lọc bệnh, tật bẩm sinh, di truyền ở trẻ em nhằm từng bước nâng cao chất lượng dân số trên địa bàn huyện Thanh Trì giai đoạn 2022-2026” năm 2024;

Ngày 27/8/2024 Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện đã ban hành Công văn số 914/PGD&ĐT về việc phối hợp thực hiện “Đề án Dân số trên địa bàn huyện Thanh Trì giai đoạn 2022-2026” năm 2024. Theo số liệu tổng hợp tính đến ngày 04/12/2024, tổng số trẻ nam từ 3-5 tuổi tại các trường mầm non đồng ý khám sàng lọc bất thường bộ phận sinh dục nam: 2.969/7.557 (**đạt 39,3%**), tổng số học sinh lớp 1, 2 tại các trường tiểu học đồng ý khám sàng lọc phát hiện dậy thì sớm: 7.055/11.824 (**đạt 64%**) (*Phụ lục 1,2*).

Về việc này, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện yêu cầu các trường mầm non, tiểu học thực hiện nghiêm túc một số nội dung sau:

- Tăng cường tuyên truyền tới cha mẹ học sinh chưa đồng ý khám sàng lọc về lợi ích của khám sàng lọc bất thường bộ phận sinh dục nam, dậy thì sớm phần đầu 100% gia đình đồng ý khám;

- Tổng hợp danh sách trẻ đăng kí khám theo từng lớp, từng trường (*Phụ lục 3,4*) gửi Trạm Y tế xã, thị trấn tổng hợp trước ngày 09/12/2024;

Nhận được công văn này, phòng Giáo dục và Đào tạo huyện đề nghị Hiệu trưởng các trường nghiêm túc triển khai và thực hiện đảm bảo đúng tiến độ./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Văn Ngát

Phụ lục 1:

Bảng tổng hợp số trẻ nam từ 3-5 tuổi đồng ý khám sàng lọc bất thường bộ phận sinh dục nam tại các trường mầm non năm học 2024-2025
(Số liệu tính đến ngày 04/12/2024)

STT	Trường	TS trẻ 3-5 tuổi	TS trẻ nam 3 tuổi	TS trẻ nam 3 tuổi đồng ý khám	Trẻ 4-5 tuổi chưa khám năm 2023	TS đồng ý khám năm 2024	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	A Thị trấn Văn Điển	229	67	58	46	104	45,4	
2	B Thị trấn Văn Điển	199	54	45	35	80	40,2	
3	C Thị trấn Văn Điển	134	25	16	14	30	22,4	
4	Tuổi Thần Tiên (TTVĐ)	86	27	18	33	51	59,3	
5	MN Tuấn Linh (TTVĐ)	35	5	5	30	35	100,0	
6	MN A xã Ngũ Hiệp	225	44	35	25	60	26,7	
7	MN B xã Ngũ Hiệp	144	44	34	25	59	41,0	
8	MN Hoa Hồng- Ngũ Hiệp	37	8	5	16	21	56,8	
9	MN A xã Đông Mỹ	112	34	25	20	45	40,2	
10	MN B xã Đông Mỹ	88	18	10	7	17	19,3	
11	MN xã Yên Mỹ	87	33	25	20	45	51,7	
12	MN xã Duyên Hà	128	33	25	20	45	35,2	
13	MN A xã Vạn Phúc	151	57	48	31	79	52,3	
14	MN B xã Vạn Phúc	177	45	35	22	57	32,2	
15	A xã Tứ Hiệp	270	59	50	40	90	33,3	
16	B xã Tứ Hiệp	86	24	15	12	27	31,4	
17	C xã Tứ Hiệp	321	76	65	50	115	35,8	
18	Phạm Tu- Tứ Hiệp	68	36	26	15	41	60,3	
19	Bé yêu IEC	135	25	15	11	26	19,3	
20	A xã Thanh Liệt	333	84	75	58	133	39,9	
21	B xã Thanh Liệt	300	80	70	57	127	42,3	
22	MN Yên Ngưu- Tam Hiệp	131	38	30	20	50	38,2	
23	MN Tựu Liệt- Tam Hiệp	161	55	45	35	80	49,7	
24	MN Huỳnh Cung- Tam Hiệp	145	47	38	30	68	46,9	
25	MN Tân Triều	101	27	18	15	33	32,7	
26	MN Yên Xá- Tân Triều	255	59	50	40	90	35,3	
27	MN Triều Khúc- Tân Triều	285	59	51	41	92	32,3	
28	Hoàng Gia Anh- Tân Triều	10	1	1	8	9	90,0	
29	Vườn Trê Thơ- Tân Triều	146	34	26	66	92	63,0	
30	Tân Thời Đại- Tân Triều	44	19	11	26	37	84,1	
31	MN Quỳnh Đô- Vĩnh Quỳnh	149	37	29	20	49	32,9	
32	MN xã Vĩnh Quỳnh	149	40	32	22	54	36,2	
33	MN Vĩnh Ninh- VQ	177	48	40	90	130	73,4	

34	MN A xã Liên Ninh	272	42	34	25	59	21,7	
35	MN B xã Liên Ninh	243	73	58	45	103	42,4	
36	MN A xã Ngọc Hồi	120	44	36	28	64	53,3	
37	MN B xã Ngọc Hồi	107	31	23	15	38	35,5	
38	MN Tay Xinh- Ngọc Hồi	64	18	10	28	38	59,4	
39	Tuổi thơ Việt Anh- Ngọc Hồi	43	13	5	18	23	53,5	
40	MN xã Đại Áng	202	59	51	39	90	44,6	
41	MN xã Hữu Hòa	252	63	55	40	95	37,7	
42	Tả Thanh Oai A	273	76	60	45	105	38,5	
43	Tả Thanh Oai B	243	77	60	46	106	43,6	
44	Tuổi Thần Tiên -TTO	478	61	53	60	113	23,6	
45	Sao Mai- TTO	84	18	10	7	17	20,2	
46	Đức Trí- TTO	78	28	22	25	47	60,3	
	Tổng cộng	7557	1945	1548	1421	2969	39,3	

Phụ lục 2:

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ HỌC SINH LỚP 1,2 ĐỒNG Ý KHÁM SÀNG LỌC DẠY THÌ SỚM
TẠI CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC NĂM HỌC: 2024-2025**
(Số liệu tính đến ngày 04/12/2024)

STT	Đơn vị	Tổng số HS lớp 1,2 (Trường)	Số HS đồng ý khám	Số HS không đồng ý khám	Tỷ lệ %
1	Tiểu học Thanh Liệt	649	512	137	79%
2	Tiểu học Phạm Tu	534	451	83	84%
3	Tiểu học Tam Hiệp	382	250	132	65%
4	Tiểu học Tân Triều	348	185	163	53%
5	Tiểu học Triều Khúc	292	101	191	35%
6	Tiểu học Yên Xá	494	243	251	49%
7	Tiểu học Hữu Hòa	551	385	166	70%
8	Tiểu học Đỗ Ngọc Du	722	436	286	60%
9	Tiểu học Ngô Thị Nhậm	673	323	350	48%
10	Tiểu học Đại Áng	543	295	248	54%
11	Tiểu học Vĩnh Quỳnh	877	569	308	65%
12	Tiểu học ATTVĐ	580	358	222	62%
13	Tiểu học B TTVĐ	537	273	264	51%
14	Tiểu học Ngô Sĩ Kiên	763	456	307	60%
15	Tiểu học Tứ Hiệp	801	385	416	48%
16	Tiểu học Yên Mỹ	158	148	10	94%
17	Tiểu học Duyên Hà	141	83	58	59%
18	Tiểu học Vạn Phúc	445	257	188	58%
19	Tiểu học Đông Mỹ	278	250	28	90%
20	Tiểu học Ngũ Hiệp	466	459	7	98%
21	Tiểu học Vũ Lăng	419	335	84	80%
22	Tiểu học Ngọc Hồi	481	239	242	50%
23	Tiểu học Liên Ninh	428	357	71	83%
24	Tiểu học Tạ Hoàng Cơ	260	202	58	78%
25	Tiểu học Dạy trẻ khuyết tật	2	0	2	0%
TỔNG SỐ		11824	7552	4272	64%

Phụ lục 3:

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ
TRƯỜNG TIỂU HỌC.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP SỐ HỌC SINH LỚP 1,2 ĐĂNG KÝ KHÁM SÀNG LỌC
DẠY THÌ SỚM NĂM HỌC 2024-2025

TT	Lớp	Tổng số học sinh	Số học sinh đồng ý khám	Số học sinh không đồng ý khám	Ghi chú
1					(Ghi rõ lý do số học sinh không đồng ý khám của từng lớp)
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
13					
14					
15					
16					
17					
18					
19					
20					
21					
22					
23					
24					
25					
Tổng cộng:					

Thanh Trì, ngày.....tháng năm 2024
Hiệu trưởng
(Ký và đóng dấu)

DANH SÁCH HỌC SINH ĐĂNG KÝ KHÁM SÀNG LỌC
PHÁT HIỆN DẠY THÌ SỚM CHO HỌC SINH LỚP 1,2 NĂM 2024

TT	Họ và tên trẻ	Ngày sinh	Họ tên phụ huynh	SĐT Phụ huynh	Đồng ý khám	Không đồng ý khám
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						
19						
20						
21						
22						
23						
24						
25						
Tổng cộng:						

Thanh Trì, ngày.....tháng năm 2024
Giáo viên chủ nhiệm

Phụ lục 4:

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ
TRƯỜNG MẦM NON.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ TRẺ NAM TỪ 3-5 TUỔI ĐĂNG KÝ KHÁM SÀNG
LỌC BẤT THƯỜNG BỘ PHẬN SINH DỤC NAM
NĂM HỌC 2024 - 2025**

TT	Lớp	Tổng số trẻ	Tổng số trẻ 3 tuổi	Tổng số trẻ 3 tuổi đồng ý khám	Tổng số trẻ 4-5 tuổi chưa khám sàng lọc năm 2023	Tổng số trẻ 4-5 tuổi chưa khám sàng lọc năm 2023 đồng ý khám	TS trẻ đồng ý khám năm 2024
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (5) + (7)
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
11							
12							
13							
14							
15							
16							
17							
18							
19							
20							
Tổng cộng:							

Thanh Trì, ngày.....tháng năm 2024
Hiệu trưởng
(Ký và đóng dấu)

DANH SÁCH TRẺ NAM TỪ 3-5 TUỔI

ĐĂNG KÝ KHÁM SÀNG LỌC BẤT THƯỜNG BỘ PHẬN SINH DỤC NAM

NĂM HỌC 2024 - 2025

TT	Họ và tên trẻ	Ngày sinh	Họ tên phụ huynh	SĐT Phụ huynh	Đồng ý khám	Không đồng ý khám
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						
19						
20						
21						
22						
23						
24						
25						
Tổng cộng:						

Thanh Trì, ngày.....tháng năm 2024

Giáo viên chủ nhiệm

